

Bản án số: 42/2024/HNGĐ - ST

Ngày 19-9-2024

“Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Dung

2. Bà Vũ Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị N; địa chỉ cư trú: thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng X; địa chỉ cư trú: tổ 5, khu 1, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người làm chứng: Bà Lê Thị Nh, sinh năm 1949; địa chỉ: tổ 5, khu 1, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đào Thị N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Trọng X tự nguyện kết hôn tại UBND phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống tại tổ 5, khu 1, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm, đánh đập nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị được gia đình hai bên động viên, hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay, khi ly thân chị về

sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Nay chị Đào Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng X.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa chị N và anh X có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 24/01/2020. Nay vợ chồng ly hôn chị N đồng ý để anh X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị N không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đào Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trọng X trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng X và chị Đào Thị N tự nguyện kết hôn tại UBND phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống tại tổ 5, khu 1, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng anh được gia đình hai bên động viên, hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay, khi ly thân chị N bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa anh X và chị N có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 24/01/2020. Khi vợ chồng sống ly thân, con chung ở cùng với anh X. Nay vợ chồng ly hôn, anh X nhận quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Trọng X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng, bà Lã Thị Nh trình bày:**
Bà Lã Thị Nh là mẹ đẻ của anh Nguyễn Trọng X, từ lúc anh X lập gia đình vẫn ở cùng với bà cho đến nay. Anh X kết hôn với chị Đào Thị N vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh X và chị N về chung sống cùng bà tại tổ 5, khu 1, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống anh X và chị N thời gian đầu hoà thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì bà không được biết, chỉ thấy anh X và chị N thường xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Vợ chồng anh X và chị N đã sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay, khi ly thân chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn C, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, còn anh X thì vẫn sống cùng bà tại tổ 5, khu 1, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó anh X đi chấp hành hình phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” khoảng 02 năm, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa

phương vào ngày 26/4/2024, hiện nay anh X là lao động tự do, làm ăn lương thiện tại địa phương. Về con chung: anh X và chị N có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng Q, sinh năm 2020, khi anh X và chị N sống ly thân thì cháu Q ở cùng với bà và anh X. Về tài sản chung, nợ chung của anh X và chị N, bà không nắm được. Việc chị N đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh X và đồng ý để anh X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị N không phải cấp dưỡng cho con; quan điểm của bà là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Nguyễn Văn D – Trưởng khu 1, phường V, thành phố Uông Bí cho biết: Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Trọng X kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị N và anh X về chung sống cùng mẹ đẻ anh X tại tổ 5, khu 1, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hoà thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nên thường xảy ra chửi mắng, cãi vã. Về nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của chị N và anh X thì chính quyền địa phương không nắm được vì hai bên không thông qua hoà giải tại cơ sở. Ông D cũng cho biết năm 2021, chị N đã bỏ đi, việc chị N đi đâu, làm gì thì chính quyền địa phương không nắm được. Về con chung: giữa chị N và anh X có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng Q, sinh năm 2020. Về tài sản chung, nợ chung của chị N và anh X: chính quyền địa phương không nắm được. Việc chị N yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh X và đồng ý để anh X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị N không phải cấp dưỡng cho con; quan điểm của ông Nguyễn Văn D: đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn về cơ bản cũng đã chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Đào Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Trọng X; giao con chung Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 24/01/2020 cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng; chị N không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Đào Thị N thì đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, anh Nguyễn Trọng X có địa chỉ cư trú tại tổ 5, khu 1, phường V, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị N và bị đơn anh Nguyễn Trọng X đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Trọng X tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị N và anh X có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Chị N và anh X sống ly thân từ giữa năm 2021 cho đến nay, khi ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh X, anh X đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc; tuy nhiên anh X có đơn trình bày do anh bận công việc nên không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập cũng như Thông báo của Tòa án. Anh X đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy: giữa chị N và anh X có mâu thuẫn, hiện nay cả hai người đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, chị N và anh X đều thống nhất ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh X theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung:*

Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Trọng X có một con chung là cháu Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 24/01/2020, nay ly hôn chị N và anh X đều có quan điểm: anh X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị N không phải cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy: khi chị N và anh X sống ly thân thì con chung ở cùng anh X và mẹ đẻ của anh X (bà Lã Thị Nh), được chăm sóc chu đáo. Do đó, cần giao cho anh X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị N không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Đào Thị N và anh Nguyễn Trọng X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí:* Chị Đào Thị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị N được ly hôn anh Nguyễn Trọng X.

2. Về con chung: giao cho anh Nguyễn Trọng X có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên là Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 24/01/2020, kể từ ngày xét xử (ngày 19/9/2024) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Đào Thị N không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Đào Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Anh Nguyễn Trọng X cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Đào Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Đào Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002666 ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ông Bí. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố Ông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Ông Bí;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường V, TP Ông Bí);
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thịnh